

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 03 tháng 04, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá

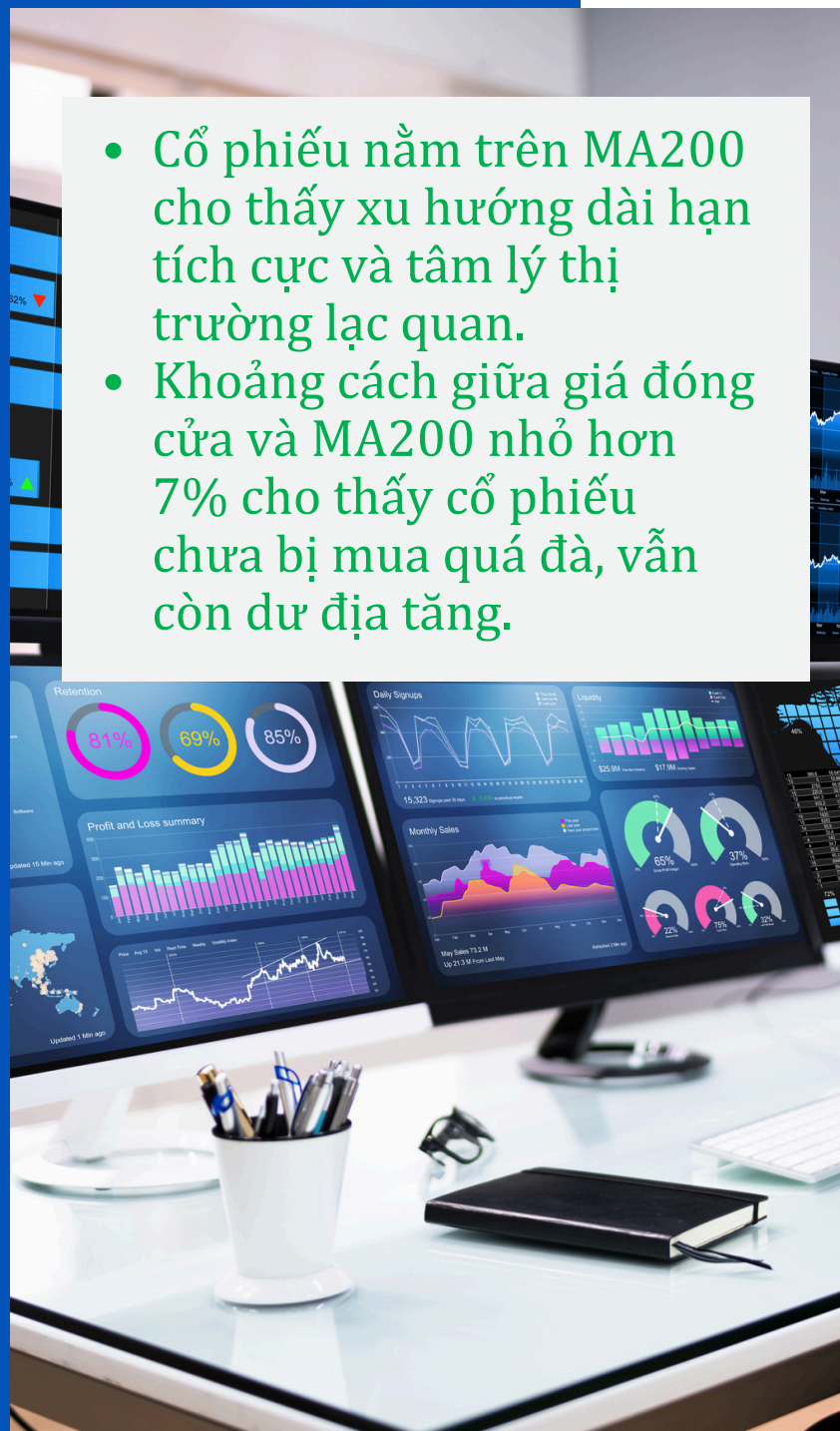


STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	SMC	02/04/2026	12.8	1.379.300	297.727	4.63
2	VHM	02/04/2026	117.9	16.320.300	6.062.894	2.69
3	DCL	02/04/2026	60.9	949.400	465.673	02.04
4	HHS	02/04/2026	13.55	5.609.600	2.763.583	02.03
5	GMD	02/04/2026	74	4.951.700	2.536.927	1.95
6	BVH	02/04/2026	82.5	1.405.000	786.400	1.79
7	CTD	02/04/2026	82	1.531.700	944.450	1.62
8	SHB	02/04/2026	14.85	110.127.200	69.514.344	1.58
9	BSI	02/04/2026	36.8	669.300	431.353	1.55
10	FTS	02/04/2026	28.1	1.788.100	1.182.677	1.51
11	BMI	02/04/2026	17.45	584.700	403.993	1.45
12	MIG	02/04/2026	19.45	577.800	400.467	1.44
13	QCG	02/04/2026	13.75	607.600	424.800	1.43
14	HUT	02/04/2026	16.7	3.557.100	2.689.517	1.32
15	GEE	02/04/2026	208.3	1.300.300	1.026.593	1.27
16	REE	02/04/2026	66.3	1.850.200	1.483.840	1.25
17	PAC	02/04/2026	25.05	1.274.400	1.050.397	1.21
18	TTA	02/04/2026	11.75	841.300	737.970	1.14
19	VRE	02/04/2026	27.2	6.533.700	5.768.204	1.13
20	PDR	02/04/2026	16.1	11.789.600	10.643.173	1.11
21	VPL	02/04/2026	83.9	766.400	696.780	1.1
22	CTS	02/04/2026	27.9	1.003.100	915.373	1.1
23	HCM	02/04/2026	23.6	13.654.800	12.372.443	1.1
24	CII	02/04/2026	18.5	16.804.800	15.230.053	1.1
25	AAV	02/04/2026	8.8	740.100	685.800	1.8
26	NLG	02/04/2026	29.5	4.351.800	4.190.437	01.04
27	NKG	02/04/2026	13.8	5.846.600	5.699.507	01.03



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	CRC	02/04/2026	10.15	4.133.890	58.81	9.88	2.77
2	CTD	02/04/2026	82	956.190	48.84	79.18	3.56
3	DGW	02/04/2026	45.95	1.824.430	52.91	43.66	5.24
4	DPR	02/04/2026	40.5	572.910	49.85	38.91	04.09
5	DRI	02/04/2026	12.8	554.250	48.82	12.51	2.3
6	GAS	02/04/2026	78.7	2.084.760	35.91	74.42	5.74
7	GEG	02/04/2026	16.3	3.100.010	53.13	15.6	4.47
8	GVR	02/04/2026	32.1	4.012.050	45.14	30.64	4.78
9	HAG	02/04/2026	16.25	5.596.270	56.93	16.07	1.13
10	HDB	02/04/2026	25.6	14.456.160	48.17	24.17	5.92
11	HDG	02/04/2026	29.6	4.046.910	57.04	28.61	3.44
12	HNG	02/04/2026	6.2	1.541.380	53.22	6.16	0.7
13	HPG	02/04/2026	27.35	34.762.100	55.05	26.8	02.05
14	HUT	02/04/2026	16.7	3.760.340	52.97	16.45	1.49
15	MBB	02/04/2026	26.3	16.291.450	48.91	24.87	5.76
16	MWG	02/04/2026	81.8	7.810.060	47.98	79.04	3.49
17	ORS	02/04/2026	13.7	3.093.620	54.27	13.2	3.76
18	PAC	02/04/2026	25.05	1.565.750	49.24	25	0.19
19	PAN	02/04/2026	31.65	1.142.470	54.41	30.39	4.16
20	POW	02/04/2026	12.85	12.523.260	42.35	12.61	1.9
21	PPC	02/04/2026	10.3	1.165.800	46.25	10.28	0.24
22	QTP	02/04/2026	13.1	1.832.180	48.22	12.28	6.68
23	REE	02/04/2026	66.3	2.359.760	52.2	64.05	3.51
24	TTA	02/04/2026	11.75	1.405.340	53.92	11.12	5.7
25	VHC	02/04/2026	58.6	566.920	47.07	57.45	02.01
26	VJC	02/04/2026	165.5	1.273.690	55.24	155.72	6.28
27	VPI	02/04/2026	58.2	1.907.700	52.76	55.84	4.22
28	VSC	02/04/2026	24.3	4.219.440	51.63	23.7	2.52





Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	DCL	60.9	60	530.420

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	AAV	8.8	8.6	1.133.960
2	HNH	8.4	8.3	348.340

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BIG	6.2	6.4	368.360
2	ECO	30.5	31	17.430
3	GCF	17.9	18.3	143.360
4	PPH	27	27.3	29.300
5	PVB	28.5	29	159.680
6	PXL	13.4	13.6	91.210
7	SCG	62	62.3	22.630
8	SRF	6.84	6.94	40.250
9	STK	13.95	14	29.510
10	SWC	25.5	27.5	16.300
11	TMT	11.45	11.55	56.950
12	VNS	8.25	8.28	25.060
13	VPX	28.7	28.9	1.822.730

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BIG	6.2	6	368.360
2	GCF	17.9	17.5	143.360
3	HVA	5	5	123.410
4	SCG	62	62	22.630
5	SRF	6.84	6.51	40.250
6	VMC	4.4	4.3	46.270
7	VNS	8.25	8.25	25.060
8	VPG	4.15	4	186.840
9	VPX	28.7	27.15	1.822.730



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	HNG	6.2	6.16	1.541.380

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CSV	28.3	27.8	705.520
2	DPR	40.5	40.26	572.910

Cắt lên đường trung bình MA50



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CTG	34.3	34.52	8.237.520
2	PLX	40.4	40.47	5.399.120
3	VGT	12	12.3	1369320
4	VNM	60.8	60.95	3.966.000

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ACB	23.6	23.77	11.218.200
2	GEX	36.15	36.36	8.062.650
3	GMD	74	74	2097490
4	HAG	16.25	16.27	5.596.270
5	HHV	12.1	12.19	5.978.290
6	HID	05.05	05.06	1.060.720
7	LPB	41.8	42.07	1.127.660
8	NRC	5.8	5.81	611.300
9	VIB	16.9	17.12	4926560
10	VJC	165.5	166.51	1273690

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAA	7	7.3	889.730
2	AAS	8.4	8.49	1.173.610
3	AGG	12.85	12.93	603160
4	BCM	53.6	53.8	582.530
5	GMD	74	76.16	2.097.490
7	HQC	2.58	2.59	3126990
8	IJC	10.1	10.11	2181080
9	LCG	9.67	9.7	1834790
10	LPB	41.8	41.9	1127660
11	MSR	47.8	48.74	2466100
12	NRC	5.8	5.87	611300
13	PAC	25.5	25.41	1565750
14	SBT	22	22.14	671110
15	SHB	14.85	14.98	74250864
16	TPB	16	16.04	9042550
17	TTF	2.65	2.66	547890
18	VFS	13.8	14.15	2609720
19	VHC	58.6	58.63	566920
20	VND	15.9	16.03	14409930



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	PPT	02/04/2026	15.3	15.1	15.7	3.97	181,100
2	SJD	02/04/2026	13.95	13.7	14.25	04.01	65,840
3	VTZ	02/04/2026	20.2	19.7	20.6	4.57	1,228,320
4	SSB	02/04/2026	16.9	16.3	17.5	4.6	1,844,140
5	SBB	30/03/2026	16	15.4	16.2	5.19	8,220
6	SBG	02/04/2026	11.55	11.3	11.9	5.31	26,120
7	ODE	02/04/2026	44.8	43.8	46.3	5.71	17,720
8	MCM	02/04/2026	25.55	25	26.45	5.8	33,520
9	SCG	02/04/2026	62	62	65.6	5.81	23,660
10	BAF	02/04/2026	34.95	33.5	35.5	5.97	1,648,580
11	VSH	02/04/2026	43.45	42	44.6	6.19	5,420
12	OCB	02/04/2026	11.2	10.6	11.35	7.8	779,920
13	PRE	02/04/2026	22.4	21.3	22.9	7.51	14,940
14	GDT	02/04/2026	19.1	18.75	20.2	7.73	9,260
15	MSB	02/04/2026	11.4	10.9	11.75	7.8	7,711,060
16	ADP	02/04/2026	22.95	22.4	24.2	08.04	8,100
17	VAB	02/04/2026	10.5	9.5	10.3	8.42	332,440
18	PGB	02/04/2026	12	11.5	12.5	8.7	9,220
19	CLH	01/04/2026	22.6	20.9	22.8	09.09	5,740
20	TBC	02/04/2026	35	34.7	37.9	9.22	7,760
21	TNH	02/04/2026	10.05	9.98	10.95	9.72	76,380



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & TỰ doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009